

Biểu số 2: BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

UBND TỈNH BẾN TRE
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 164/KH-CTTL

Bến Tre, ngày 19 tháng 3 năm 2025

MST: 1300100790

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu phát triển

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi hoạt động với mục tiêu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, không vì mục tiêu lợi nhuận.

Phát triển nhằm mục đích phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nuôi trồng thủy sản và dân sinh kinh tế góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

Tạo nguồn thu nhập cho người lao động trong Công ty.

2. Định hướng phát triển theo nhiệm vụ

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tiếp tục là Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre làm Chủ sở hữu. Công ty sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý khai thác, cải tạo, sửa chữa nâng cấp các hệ thống công trình thủy lợi trong tỉnh đảm bảo tốt yêu cầu tưới tiêu, cấp nước, ngăn mặn, trữ ngọt đảm bảo tốt yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nuôi trồng thủy sản và dân sinh kinh tế của tỉnh nhà; tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Công ty sẽ mở rộng các ngành nghề kinh doanh như thiết kế, giám sát, quản lý dự án, ... nhằm củng cố lại vị thế và phát triển Công ty lớn mạnh và hoạt động hiệu quả.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển

1.1. Kế hoạch đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi năm 2025

- Diện tích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: **116.197,9526 ha**
- Doanh thu: **89,003 tỷ đồng** (Nguồn doanh thu đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre).

1.2. Kế hoạch đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi năm 2025

- Kế hoạch đầu tư sửa chữa công trình thủy lợi (dự kiến): **50,87 tỷ đồng**
- Kết quả thực hiện đầu tư cả năm (dự kiến): **Đạt 100% kế hoạch.**

1.3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2025

- Giải pháp về tài chính

+ Đảm bảo quản lý và sử dụng tốt nguồn vốn và tài sản được Chủ sở hữu phân giao, công khai tài chính rõ ràng, minh bạch, giải quyết kịp thời và đầy đủ các chế độ chính sách tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp ... cho CNVCLĐ.

+ Triển khai nguồn vốn đầu tư sửa chữa công trình thủy lợi từ nguồn doanh thu đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre đúng mục tiêu, đúng quy định; quản lý dự án đầu tư xây dựng và luôn thực hành tiết kiệm.

+ Công tác tài chính kế toán tại đơn vị thực hiện đúng nguyên tắc, Luật doanh nghiệp nhà nước và pháp luật về kế toán, thống kê, thường xuyên tổ chức kiểm tra, thực hiện thanh toán các chi phí theo đúng quy định.

- Giải pháp về phục vụ sản xuất và sinh hoạt

+ Thực hiện đo độ mặn các công trình đầu mối, kiểm soát được độ mặn nội đồng, kết hợp tưới, tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.

+ Tăng khả năng trữ nước tưới, thoát nước nhanh phục vụ sản xuất nông nghiệp dân sinh trong toàn tỉnh; phòng chống lũ, ngập úng và xâm nhập mặn. Kết hợp phát triển giao thông thủy bộ nông thôn và vận chuyển hàng hóa cho nhân dân trong vùng.

+ Nạo vét thông thoáng hệ thống kênh mương tăng cường yêu cầu dẫn nước, tiêu thoát nhanh khi có mưa bão, các hệ thống cống đầu mối đáp ứng vận hành an toàn và đồng bộ, sửa chữa nâng cấp các công trình cống, các bờ bao cục bộ ngăn lũ, triều cường và xâm nhập mặn.

- Giải pháp về nguồn nhân lực

+ Tiếp tục đào tạo cho đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo phục vụ cho công tác quản lý khai thác.

+ Tổ chức lớp đào tạo ngắn hạn nghiệp vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi nhằm tăng cường hiệu quả quản lý và hoạt động quản lý khai thác.

+ Từng lúc tùy theo số lượng, quy mô các hệ thống công trình trong tỉnh Công ty tiếp nhận nhân viên hoặc công nhân quản lý cống để quản lý và khai thác các công trình thủy lợi nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

Ứng dụng tiên bộ, khoa học công nghệ, từng bước hiện đại hoá trang thiết bị quản lý phục vụ trong công tác quản lý khai thác như: Thực hiện cập nhật lưu trữ số liệu đo mặn, thủy văn, theo dõi quản lý công trình có hệ thống và khoa học để phục vụ công tác quản lý vận hành, cải tạo nâng cấp hệ thống tời quay vận hành đóng mở cống bằng thủ công sang vận hành bằng điện, lắp đặt hệ thống tự động hóa đo đạc thu thập, truyền tải số liệu, chia sẻ thông tin qua mạng xã hội và ứng dụng vào thực tế hoạt động.

- Giải pháp về quản lý và điều hành

+ Tiếp tục tập trung công tác phục vụ sản xuất, quản lý và khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi trong tỉnh nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.

+ Xây dựng phương án quản lý các hệ thống công trình thủy lợi, đảm bảo việc vận hành đồng bộ cho các hệ thống công trình đầu mối phục vụ yêu cầu ngăn mặn, trữ ngọt, chủ động công tác điều tiết nước tưới, tiêu hợp lý.

+ Tăng cường quản lý tốt mặt bằng các công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, kiến nghị xử phạt trường hợp vi phạm và giải quyết dứt điểm các trường hợp lấn chiếm mặt bằng công trình thủy lợi.

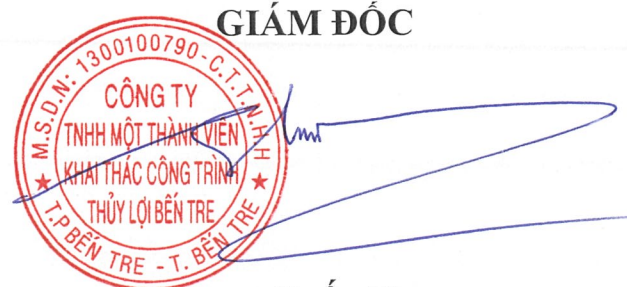
BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu (<i>Diện tích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi</i>)	Ha	116.197,96
	<i>Lúa vụ Hè Thu</i>	<i>Ha</i>	<i>7.394,56</i>
	<i>Lúa vụ Mùa - Thu Đông</i>	<i>Ha</i>	<i>12.722,34</i>
	<i>Rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày</i>	<i>Ha</i>	<i>3.923,45</i>
	<i>Cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày</i>	<i>Ha</i>	<i>77.902,98</i>
	<i>Nuôi thủy sản</i>	<i>Ha</i>	<i>13.337,22</i>
	<i>Đất làm muối</i>	<i>Ha</i>	<i>917,41</i>
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	116.197,96
3	Tổng doanh thu (<i>là nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính cấp</i>)	Tỷ đồng	89,003
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	Không
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	Không
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	Không
7	Tổng vốn đầu tư sửa chữa công trình thủy lợi	Tỷ đồng	50,87
8	Kim ngạch xuất khẩu (<i>nếu có</i>)	1.000 USD	Không
9	Các chỉ tiêu khác		Không

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm (tên dự án nhóm B trở lên, nguồn vốn, tổng mức đầu tư...): *Không có.*

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục Phát triển Doanh nghiệp nhà nước;
- VP. UBND tỉnh Bến Tre;
- TT-TT Điện tử VP.UBND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tài Chính;
- Lưu: VT.



Phạm Quốc Phong